

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.246.450.068.113	3.303.871.471.651
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.843.144.469	51.510.909.893
1. Tiền	111		31.320.886.594	34.989.741.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		522.257.875	16.521.168.357
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.732.366.700	4.708.925.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.893.028.550	8.095.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.160.661.850)	(3.386.845.835)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		619.600.750.615	579.535.646.673
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	600.322.488.923	552.342.929.493
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	15.973.005.356	18.415.330.230
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	11.131.460.899	14.206.833.585
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(7.826.204.563)	(5.429.446.635)
IV. Hàng tồn kho	140		4.399.556.610.613	2.659.460.508.921
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4.399.556.610.613	2.659.496.458.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(35.949.748)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192.717.195.716	8.655.481.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	6.164.777.983	2.980.168.382
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		175.119.195.720	98.658.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.26	456.431.039	460.411.276
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	10.976.790.974	5.116.242.507

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.115.020.567.828	1.094.336.001.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		677.411.137.164	709.251.870.595
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	677.411.137.164	709.251.870.595
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		338.601.311.235	300.703.121.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	249.232.209.331	215.433.433.725
<i>Nguyên giá</i>	222		375.201.195.115	313.057.364.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(125.968.985.784)	(97.623.930.475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	40.009.210.226	37.572.275.241
<i>Nguyên giá</i>	228		42.996.870.716	38.739.928.125
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.987.660.490)	(1.167.652.884)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	49.359.891.678	47.697.412.564
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	1.374.519.985	1.559.848.525
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.034.751.015)	(849.422.475)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.211.041.148	54.337.395.257
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	17.992.161.518	17.818.515.627
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	53.460.000.000	36.760.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(241.120.370)	(241.120.370)
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.146.148.975	26.618.244.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	19.729.132.113	20.014.511.023
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.20	3.973.644.695	5.648.536.340
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	1.443.372.167	955.196.825
VI. Lợi thế thương mại	269	V.22	1.276.409.320	1.865.521.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.361.470.635.940	4.398.207.473.059

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.160.333.218.546	3.150.373.569.647
I. Nợ ngắn hạn	310		4.612.720.847.335	3.051.912.170.068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	622.515.565.781	318.708.182.054
2. Phải trả người bán	312	V.24	2.652.800.181.591	1.380.621.670.757
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	342.327.074.648	296.442.307.202
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	30.343.115.042	52.859.296.334
5. Phải trả người lao động	315	V.27	9.852.113.354	9.752.988.116
6. Chi phí phải trả	316	V.28	706.600.455.427	752.357.462.031
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	243.639.115.111	234.778.470.576
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.30	5.262.292.776	5.320.146.283
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	(619.066.395)	1.071.646.715
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		547.612.371.211	98.461.399.579
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	174.989.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	540.644.251.921	92.039.587.643
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		3.452.005.942	2.801.768.663
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.34	3.341.124.348	3.600.043.273
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.164.260.425.597	1.205.702.391.491
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.164.260.425.597	1.205.702.391.491
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	7.874.725.019	4.907.875.019
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	28.889.210.043	28.597.935.509
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	13.957.970.572	13.782.928.153
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	111.697.396.123	156.572.528.970
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.36	36.876.991.798	42.131.511.921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.361.470.635.940	4.398.207.473.059

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.224.277	14.224.277
5. Ngoại tệ các loại		209,33	320,24
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2015


Lê Ngọc Hương
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

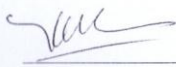
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

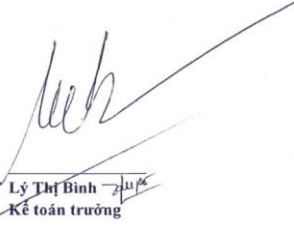
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT(Dạng đầy đủ)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	791.472.843.402	1.074.875.481.095	1.839.367.897.279	2.004.114.105.118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6.713.240.486	186.543.690.355	213.346.847.232	385.587.571.879
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	784.759.602.916	888.331.790.740	1.626.021.050.047	1.618.526.533.239
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	584.067.703.695	634.370.672.044	1.286.551.406.882	1.249.022.338.438
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.691.899.221	253.961.118.696	339.469.643.165	369.504.194.801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.536.616.000	1.530.638.965	5.424.680.374	4.981.945.078
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.109.139.451	18.065.154.407	66.444.991.240	50.874.416.480
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.892.370.443	10.969.304.458	49.579.695.883	40.729.150.946
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	22.832.847.044	40.047.933.528	87.726.436.346	92.709.445.576
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.297.825.800	17.447.432.847	55.087.687.721	60.918.406.809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		129.988.702.927	179.931.236.879	135.635.208.232	169.983.871.014
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.353.608.027	15.933.430.456	22.732.219.063	27.838.501.490
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.650.373.103	2.925.442.572	15.382.147.683	3.721.761.988
13. Lợi nhuận khác	40		4.703.234.924	13.007.987.884	7.350.071.380	24.116.739.502
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		78.903.577	112.658.141	306.235.891	471.337.859
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		134.770.841.428	193.051.882.904	143.291.515.503	194.571.948.375
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	32.368.833.156	46.321.932.147	35.662.937.846	50.224.167.115
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	2.152.308.976	909.729.166	1.674.891.645	(1.646.337.205)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>100.249.699.295</u>	<u>145.820.221.591</u>	<u>105.953.686.012</u>	<u>145.994.118.465</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(2.732.055.933)	2.749.381.420	(2.816.294.666)	1.041.030.511
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		102.981.755.228	143.070.840.171	108.769.980.678	144.953.087.954
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.030</u>	<u>1.431</u>	<u>1.088</u>	<u>1.450</u>


Lê Ngọc Hương
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2015


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2014

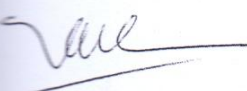
Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.256.376.439.798	2.201.593.736.608
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.507.719.258.180)	(863.843.991.343)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(77.488.250.277)	(82.885.021.710)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(52.789.210.200)	(38.449.934.540)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(46.164.144.585)	(29.240.050.091)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		806.421.291.634	168.825.677.287
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(705.949.905.039)	(728.690.938.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		672.686.963.151	627.309.477.576
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.452.164.909)	(13.364.464.745)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	3.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(3.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.516.213.150	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(17.300.000.000)	(5.525.000.000)
8. Tiền thu lãi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		600.000.000	-
9. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		837.465.163	1.420.507.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.798.486.596)	(17.468.957.089)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	8.717.078.690
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		56.153.183.099	31.554.087.867
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(730.605.007.910)	(640.141.703.224)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.104.417.168)	(1.030.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(676.556.241.979)	(600.901.286.667)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.667.765.424)	8.939.233.823
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	51.510.909.893	42.571.676.070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.843.144.469	51.510.909.893


 Lê Ngọc Hương
 Người lập biểu

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2015


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

- Tổng số các công ty con** : 4
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 4

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9b-CN KCN Bàu Bàng, Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.	70,59%	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, Đường Lê Hoàng, P.Hòa Phú, TP.Thủ Dầu một, Tỉnh Bình Dương	78,01%	78,01%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp 10, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	81,00%	81,00%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Trường Đại học Quốc tế miền Đông	Khu đô thị mới thuộc khu liên hợp Công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 898 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 978 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đang hoàn tất thủ tục giải thể Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Toà nhà Central, số 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong năm trong thời gian từ 02 - 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.085 VND/USD
31/12/2014: 21.405 VND/USD

24. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.764.067.365	3.842.927.242
Tiền gửi ngân hàng	28.556.819.229	31.146.814.294
Các khoản tương đương tiền (*)	522.257.875	16.521.168.357
Cộng	<u>31.843.144.469</u>	<u>51.510.909.893</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	-	-	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	-	-	6	60.000
- Khoản gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		-		
Cộng		<u>4.893.028.550</u>		<u>8.095.770.935</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.386.845.835	2.281.647.335
Trích lập dự phòng bổ sung	737.224.800	1.105.198.500
Hoàn nhập dự phòng	(1.963.408.785)	
Số cuối năm	<u>2.160.661.850</u>	<u>3.386.845.835</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, sản xuất thành phẩm, xây dựng	198.753.814.953	262.683.246.686
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	401.568.673.970	289.659.682.807
Cộng	<u>600.322.488.923</u>	<u>552.342.929.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	8.257.233.264	9.003.161.027
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ	7.143.941.768	9.072.370.203
Trả trước các nhà cung cấp khác	571.830.324	339.799.000
Cộng	<u>15.973.005.356</u>	<u>18.415.330.230</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.290.227.184	7.229.777.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	413.690.802	2.094.941.506
Cổ tức phải thu	3.685.900.629	1.485.653.015
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu		616.809.261
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi	1.429.805.989	972.777.790
Các khoản phải thu khác	3.311.836.295	1.806.874.603
Cộng	<u>11.131.460.899</u>	<u>14.206.833.585</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	125.246.000	375.164.712
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	130.820.200	4.707.152.433
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	7.570.138.363	347.129.490
Cộng	<u>7.826.204.563</u>	<u>5.429.446.635</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường		130.722.952
Nguyên liệu, vật liệu	32.985.760.453	20.704.699.591
Công cụ dụng cụ	1.501.561.809	1.258.171.497
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.875.795.674.298	2.088.163.192.666
Thành phẩm	3.135.871.021	4.673.394.521
Hàng hóa	486.137.743.032	544.557.952.352
Hàng gửi đi bán		8.325.090
Cộng	<u>4.399.556.610.613</u>	<u>2.659.496.458.669</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.122.459.039	1.521.072.860
Chi phí khác	4.042.318.944	1.459.095.522
Cộng	6.164.777.983	2.980.168.382

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	5.993.203.950	5.106.242.507
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.983.587.024	10.000.000
Cộng	10.976.790.974	5.116.242.507

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	107.443.843.824	93.109.018.071	96.561.122.062	2.799.272.941	13.144.107.302	313.057.364.200
Tăng trong năm	6.416.834.527	18.177.198.231	47.103.182.521	1.103.477.691		72.800.692.970
Mua trong năm	6.204.112.121	18.177.198.231	46.202.722.521	1.103.477.691		71.687.510.564
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	212.722.406					212.722.406
Tăng do điều chuyển nội bộ						
Tăng khác (do phân loại tài sản)			900.460.000			900.460.000
Giảm trong năm	(5.183.290.697)		(5.314.114.813)	(159.456.545)		(10.656.862.055)
Thanh lý, nhượng bán	(5.183.290.697)		(5.314.114.813)	(159.456.545)		(10.656.862.055)
Phân loại lại tài sản						
Giảm do điều chuyển nội bộ						
Số cuối năm	108.677.387.654	111.286.216.302	138.350.189.770	3.743.294.087	13.144.107.301	375.201.195.115
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.630.887.529	487.510.729	2.435.171.736	128.715.945	114.316.510	4.796.602.449
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	22.296.796.246	28.046.811.394	42.954.757.630	1.246.518.356	3.079.046.849	97.623.930.475
Khấu hao trong năm	8.567.844.284	9.769.035.658	12.959.626.624	363.091.002	731.547.860	32.391.145.428
Tăng do điều chuyển nội bộ	8.567.844.284	9.769.035.658	12.959.626.624	363.091.002	731.547.860	32.391.145.428
Giảm trong năm	(1.042.404.015)		(2.948.903.284)	(54.782.819)		(4.046.090.118)
Thanh lý, nhượng bán	(1.042.404.015)		(2.948.903.284)	(54.782.819)		(4.046.090.118)
Giảm do điều chuyển nội bộ						
Số cuối năm	29.822.236.515	37.815.847.052	52.965.480.970	1.554.826.539	3.810.594.709	125.968.985.785
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	85.147.017.578	65.062.206.677	53.606.364.432	1.552.754.585	10.065.060.453	215.433.433.725
Số cuối năm	78.855.151.139	73.470.369.250	85.384.708.800	2.188.467.548	9.333.512.593	249.232.209.330
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính + khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.521.407.382	218.520.743	38.739.928.125
Tăng trong năm	4.200.000.000	56.942.591	4.256.943.591
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	4.200.000.000	56.942.591	4.256.943.591
<i>Tăng khác (do phân loại lại tài sản)</i>			
Số cuối năm	42.721.407.382	275.463.334	42.996.870.716
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	982.666.689	184.986.195	1.167.652.884
Khấu hao trong năm	1.801.420.080	18.587.526	1.820.007.606
Số cuối năm	2.784.086.769	203.573.721	2.987.660.490
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.538.740.693	33.534.548	37.572.275.241
Số cuối năm	39.937.320.613	71.889.613	40.009.210.226
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng khác	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua quyền sử dụng đất	32.976.587.546	11.701.136.364	-	-	-	41.484.860.841
Mua sắm tài sản cố định	7.765.575.245	68.278.626.453	561.250.000	(74.359.397.806)		2.246.053.892
XDCB dở dang	6.955.249.773	5.881.953.887	-	(7.101.324.304)	(106.902.411)	5.628.976.945
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-	-	-
Cộng	47.697.412.564	85.861.716.704	561.250.000	(81.460.722.110)	(106.902.411)	49.359.891.678

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.409.271.000
Số cuối năm	2.409.271.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	849.422.475
Khấu hao trong năm	185.328.540
Số cuối năm	1.034.751.015
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.559.848.525

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Số cuối năm

1.374.519.985

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

-

Đang chờ thanh lý

-

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾	50,00%	3.592.161.518	50,00%	3.418.515.627
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾	24,00%	14.400.000.000		14.400.000.000
Cộng		17.992.161.518		17.818.515.627

(152) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(153) Khoản đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông được phân loại từ đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.17). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Tăng (giảm) khác	Giá trị phần
	phần sở hữu đầu năm			sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Sinviet	3.418.515.627	173.645.891		3.592.161.518
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	14.400.000.000			14.400.000.000
Cộng	17.818.515.627	173.645.891		17.992.161.518

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	30.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Công ty cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam			30.000	300.000.000
Cộng		53.460.000.000		36.760.000.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	241.120.370	1.348.334.447
Trích lập dự phòng bổ sung		241.120.370
Hoàn nhập dự phòng		(1.348.334.447)
Số cuối năm	241.120.370	241.120.370

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Tiền thuê đất	3.990.983.808	3.820.000.000	(176.085.162)		7.634.898.646
Chi phí thuê văn phòng	152.118.080	316.504.454	(187.904.080)		316.504.454
Chi phí phát hành trái phiếu		4.072.727.273	(67.878.787)		4.004.848.486
Công cụ, dụng cụ	8.701.130.312	1.826.969.395	(6.926.863.539)		3.609.571.283
Chi phí khác	7.170.278.823	1.341.056.365	(4.303.904.829)		4.163.309.244
Cộng	20.014.511.023	11.377.257.487	(11.662.636.397)		19.729.132.113

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.648.536.340	4.002.199.135
Số phát sinh	(1.674.891.645)	1.646.337.205
Số cuối năm	3.973.644.695	5.648.536.340

20. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	2.945.559.970
Số cuối năm	2.945.559.970
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	1.080.038.656
Phân bổ trong năm	589.111.994
Số cuối năm	1.669.150.650
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.865.521.314
Số cuối năm	1.276.409.320

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	613.209.565.781	289.303.232.054
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	461.874.379.681	219.917.326.569
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	107.292.069.800	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾		39.089.084.803
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	43.559.216.300	30.296.820.682
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	483.900.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33)	9.306.000.000	29.404.950.000
Cộng	622.515.565.781	318.404.950.000

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình (xem thuyết minh số V.12 và V.13)

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, kết cấu thủy đài và các công trình xây dựng phụ gắn liền.

(iv) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn với tổng giá trị là 474.049.016.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	116.940.575.384	158.162.324.491
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	2.498.351.907.283	1.213.669.813.253
Phải trả các nhà cung cấp khác	37.347.698.924	8.789.533.013
Cộng	<u>2.652.800.181.591</u>	<u>1.380.621.670.757</u>

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	259.793.589.853	235.228.175.355
Các khoản người mua trả tiền trước khác	82.533.484.795	61.214.131.847
Cộng	<u>342.327.074.648</u>	<u>296.442.307.202</u>

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.142.966.681	101.119.676.100	(111.673.778.832)	1.588.863.949
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	331.031.361	(331.031.361)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	261.170.361	(261.170.361)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	40.489.953.295	35.785.108.375	(48.159.694.089)	28.115.367.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	41.807.969	50.925.884	-	92.733.853
Thuế thu nhập cá nhân ^(*)	(275.842.887)	1.286.144.116	(1.131.982.609)	(121.681.380)
Các loại thuế khác	-	13.076.053.608	(13.076.053.608)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.006.173.048	(1.794.773.048)	211.400.000
Cộng	<u>52.398.885.058</u>	<u>153.924.528.233</u>	<u>(176.428.265.508)</u>	<u>29.886.684.003</u>

^(*) Trong đó, thuế TNCN, thuế TNDN, thuế GTGT nộp thừa cuối năm của Công ty Mẹ 210.164.631 VND, Công ty CP Cửa Sổ Mùa Xuân : 200.524.430 VND, Công ty CP ĐT Xây Dựng Việt 45.741.978 VND. Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế TNCN còn phải nộp của Công ty mẹ là 27.731.676.595 VND, Công ty CP Cửa Sổ Mùa Xuân 350.240.123 VND, Công ty CP ĐT Xây Dựng Việt 592.440.438 VND, Công ty CP Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex 234.012.618 VND, Công ty CP vật liệu xây Becamex : 1.434.745.268 VND được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng và tiền phép năm còn phải trả cho nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	419.601.696	1.680.627.979
Trích trước chi phí hoa hồng	14.581.818	3.185.221.608
Lãi cổ tức trả chậm	17.204.545.050	9.080.794.800
Trích trước chi phí công trình	688.663.854.211	736.673.209.135
Chi phí khác	297.872.652	1.737.608.509
Cộng	<u>706.600.455.427</u>	<u>752.357.462.031</u>

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.002.542.211	707.038.576
Cổ tức phải trả	198.324.365.392	200.440.137.192
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	27.126.671.144	24.831.684.749
Nhận ký quỹ môi giới	-	-
Tiền mua cổ phần	-	5.010.245.948
Hoa hồng môi giới	148.867.703	135.050.763
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	5.740.602.000	50.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	489.826.389	923.718.008
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.808.240.272	2.680.595.340
Cộng	<u>243.639.115.111</u>	<u>234.778.470.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.320.146.283	10.961.941.487
Tăng do trích lập trong năm	6.775.244.370	5.175.310.775
Tăng khác	1.1218.613.121	63.644.427
Số đã sử dụng	(209.604.108)	(1.105.336.585)
Hoàn nhập trong năm	(7.842.106.890)	(8.050.331.722)
Chuyển sang dự phòng phải trả dài hạn	-	(1.582.676.539)
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(142.405.560)
Số cuối năm	<u>5.262.292.776</u>	<u>5.320.146.283</u>

Kiểm tra lại

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng (giảm) khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(972.777.790)	7.888.587.517		(9.696.026.380)	(3.778.007.488)
Quỹ phúc lợi	561.664.604	1.473.188.275		(1.442.096.000)	777.471.798
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	509.982.111	1.293.748.250		(1.460.927.055)	342.803.306
Cộng	<u>98.868.925</u>	<u>10.655.524.042</u>		<u>(12.599.049.435)</u>	<u>(2.657.729.384)</u>

31. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mượn tiền mua đất	-	
Phải trả khác	174.989.000	20.000.000
Cộng	<u>174.989.000</u>	<u>20.000.000</u>

32. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	540.644.251.921	92.039.587.643
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	68.924.751.921	57.777.587.643
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước ⁽ⁱⁱ⁾	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	71.719.500.000	30.714.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ^(iv)	-	-
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương ^(v)		3.548.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	400.000.000.000	-
Cộng	<u>540.644.251.921</u>	<u>92.039.587.643</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và quyền sử dụng đất của dự án Uni-Town (giai đoạn 2) có giá trị 643.586.000.000 VND và một số tài sản cố định.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để mua sắm tài sản cố định hữu hình.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để xây dựng dự án nhà máy sản xuất cửa nhựa lõi thép với lãi suất 15,5%/năm, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất sản xuất gạch đất sét và nâng công suất khai thác đất sét. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gồm nhà xưởng, văn phòng, công trình xây dựng phụ gắn liền thuộc khuôn viên nhà máy và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất gạch, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng.
- (v) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 xe Bơm bê tông nhãn hiệu Hyundai thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương.

33. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

34. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

35. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	42.131.511.921	42.608.221.540
Tăng do đầu tư	-	640.000.000
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	(2.894.366.893)	1.041.030.511
Thanh lý Công ty TNHH Tân Thành Mỹ	-	(148.307.091)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.054.350.000	
Thanh lý Tân Thành Mỹ	(780.000.000)	84.720.984
Lãi nội bộ chưa thực hiện tính cho MI	78.072.227	
Cổ tức đã trả	(2.712.575.458)	(2.094.154.023)
Số cuối năm	<u>36.876.991.797</u>	<u>42.131.511.921</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.839.387.261.360	2.004.114.105.118
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>192.568.300.123</i>	<i>139.662.605.414</i>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>197.059.271.478</i>	<i>228.885.979.462</i>
- <i>Doanh thu xây dựng, kinh doanh bất động sản</i>	<i>1.206.298.104.863</i>	<i>1.631.022.582.783</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>30.114.737.664</i>	<i>4.542.937.459</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(213.346.847.232)	(385.587.571.879)
Doanh thu thuần	<u>1.626.040.414.128</u>	<u>1.618.526.533.239</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>192.568.300.123</i>	<i>139.662.605.414</i>
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>197.039.907.397</i>	<i>228.808.134.896</i>
- <i>Doanh thu thuần xây dựng, kinh doanh bất động sản</i>	<i>1.206.298.104.863</i>	<i>1.245.512.855.470</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>30.114.737.664</i>	<i>4.542.937.459</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	180.670.392.188	112.871.766.359
Giá vốn bán thành phẩm	115.390.344.846	165.853.110.968
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	831.062.012.736	966.228.929.480
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	159.428.657.112	4.131.400.464
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(62.868.833)
Cộng	<u>1.286.551.406.882</u>	<u>1.249.022.338.438</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	343.477.903	457.078.844
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	301.109.847	282.483.783
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.406.881.600	1.740.061.651
Lãi bán hàng trả chậm	991.514.009	1.063.867.994
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.933.549	1.002.233.289
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.719.374
Doanh thu tài chính khác	372.763.466	434.500.143
Cộng	<u>5.424.680.374</u>	<u>4.981.945.078</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	49.579.695.883	40.729.150.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.963.034.797	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.109.463.442	-
Chi phí lãi trả chậm cổ tức	8.123.750.250	9.080.794.800
Dự phòng giảm giá Đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.226.183.985)	(2.015.577)
Dự phòng giảm giá Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC	686.441.385	-
Chi phí khác	3.140.910.671	1.066.486.311
Cộng	<u>66.444.991.240</u>	<u>50.874.416.480</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	23.205.894.878	26.851.129.773
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	739.264.078	1.733.956.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.168.947.464	3.625.141.367
Chi phí hoa hồng môi giới	4.226.447.252	13.140.473.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.518.367.616	12.017.445.771
Chi phí khác	87.726.436.346	35.341.298.903
Cộng	<u>87.726.436.346</u>	<u>92.709.445.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.272.790.675	29.299.984.367
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.284.881.473	2.161.039.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.927.904.155	4.326.910.532
Thuế, phí và lệ phí	2.119.981.439	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.270.110.482	4.292.826.599
Chi phí khác	14.212.020.497	20.837.645.721
Cộng	<u>55.087.687.721</u>	<u>60.918.406.809</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.077.874.639	4.107.227.245
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	-	1.417.804.770
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	3.649.639.652	8.050.331.722
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	9.176.630.297	12.831.634.376
Bất lợi thương mại	-	-
Thu tiền bán phế liệu	27.673.033	-
Thu nhập khác	1.800.401.442	1.431.503.377
Cộng	<u>22.732.219.063</u>	<u>27.838.501.490</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	12.144.135.747	1.306.174.315
Phạt do vi phạm hợp đồng		1.065.902.934
Chi phí khấu hao		-
Chi phí khác	3.238.011.936	1.349.684.739
Cộng	<u>15.382.147.683</u>	<u>3.721.761.988</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	108.769.980.678	144.953.087.954
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	108.769.980.678	144.953.087.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.088</u>	<u>1.450</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	489.123.324.977	375.417.883.533
Chi phí nhân công	109.085.690.383	102.079.156.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.718.915.955	28.017.681.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.142.506.733	41.842.211.610
Chi phí khác	129.196.769.742	112.013.280.729
Cộng	<u>792.267.206.790</u>	<u>659.370.213.572</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.640.000.000	1.365.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	93.174.840	69.965.280
Tiền thưởng	751.180.000	575.700.000
Cộng	<u>2.484.354.840</u>	<u>2.010.665.280</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP)	Công ty liên kết của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần dược phẩm Savipharm	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Ánh Sao Dương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần công nghệ thông tin Việt Nam (VNNT)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	58.502286.933	53.812.446.085
Mua quyền sử dụng đất	355.482.371.916	863.742.136.059
Thi công công trình xây dựng	309.609.160.897	243.014.566.982
Cổ tức được chia	84.980.700.000	78.910.650.000
Bán căn hộ		72.910.650.000
Lãi trả chậm cổ tức	17.204.545.050	72.704.991.960
Tiền thuê đất và phí quản lý		9.080.794.800
Thầu công trình	19.613.940.857	4.289.541.764
Các khoản khác		21.169.637.272
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	86.152.900	189.185.000
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ</i>		
Bán thành phẩm, nguyên liệu	3.305.454	3.915.664.446
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	2.965.315.443	4.474.473.702
Mua nguyên vật liệu		-
Cổ tức được chia		286.045.500
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	247.172.818	970.520.154
Mua hàng hóa thành phẩm	611.792.800	315.433.400
Thu tiền cổ tức		24.000
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Thi công công trình	145.676.276.388	23.771.899.850

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền cổ tức	2.720.000.000	
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Thi công công trình	2.367.879.804	150.956.929.401
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Cổ tức được chia		433.709.000
Mua nguyên vật liệu	16.645.928.210	2.199.572.355
Bán thành phẩm		11.363.640
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Mua nước tinh khiết	3.410.000	9.480.000
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Mua đất nền	32.108.116.727	42.160.008.550
Cho thuê cửa hàng	23.374.500	60.000.000
Thu tiền cổ tức	70.000.000	
<i>Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương</i>		
Mua nhà		2.400.000.000
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i>		
Mua đá		888.132.707
Bán thành phẩm	12.094.860.248	25.818.881.914
<i>Công ty cổ phần công nghệ thông tin VN</i>	74.257.468	
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i>		
Mua đất nền	1.630.088.595.645	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Ứng tiền bán nguyên vật liệu	199.587.851.296	258.692.500
Ứng tiền xây dựng công trình	57.482.578.218	15.991.366.700
Bán bất động sản	31.990.193.487	79.975.491.156
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	2.432.007.665	7.584.503.483
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	11.753.391	172.430.500

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu	7.950.000	97.384.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ		
Bán thành phẩm		5.056.245.504
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	185.399.700	2.465.399.790
Công ty cấp thoát nước môi trường Bình Dương	9.312.011	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Phải trả thuê căn hộ	229.180	50.760.000
Thi công công trình	9.977.884.625	
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Xây dựng công trình	3.278.276.802	3.278.276.802
Công ty cổ phần Setia Becamex		
Phải trả thuê căn hộ	370.440.576	198.000.000
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông		
Xây dựng công trình	13.192.291.202	65.052.623.418
Cộng nợ phải thu	<u>318.526.168.153</u>	<u>180.181.173.853</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Mua đất nền	452.589.053.539	891.535.938.857
Phải trả tiền thuê đất và phí quản lý		3.574.687.034
Cổ tức phải trả	200.311.650.000	200.311.650.000
Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chia	17.204.545.050	9.080.794.800
Ứng tiền công trình xây dựng		23.382.740.069
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu		1.921.029.000
Các khoản khác		
Công ty cấp thoát nước môi trường Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	124.509.365	
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ		
Phải trả tiền mua cổ phần		5.010.245.948
Công ty liên doanh TNHH SinViet		
Cung cấp dịch vụ		

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần dược Becamex		
Ứng trước thi công công trình		6.000.000.000
Mua đất nền	121.453.617.548	138.561.138.550
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu	9.490.274.410	2.230.432.500
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương		
Mua nhà	120.000.000	2.400.000.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua nguyên vật liệu	1.075.455.201	
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua nguyên vật liệu		346.976.740
Công ty cổ phần công nghệ thông tin VN		
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		
Mua đất nền	1.766.502.482.217	
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang		
Phải trả tiền mua đá	6.097.702.923	775.188.000
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)		
Ứng tiền thi công công trình		23.771.899.850
Cộng nợ phải trả	<u>2.574.969.290.253</u>	<u>1.308.902.721.348</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2015

 Lê Ngọc Hương Người lập biểu	 Lý Thị Bình Kế toán trưởng	 Đoàn Văn Thuận Tổng Giám đốc
--	--	--



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.793.855.523	-	28.435.349.121	13.620.341.765	154.743.680.703	1.203.434.350.952
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	144.953.087.954	144.953.087.954
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm phân phối các quỹ	-	-	114.019.496	-	162.586.388	162.586.388	(12.422.754.415)	(11.983.562.143)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(701.485.272)	(701.485.272)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.907.875.019	-	28.597.935.509	13.782.928.153	156.572.528.970	1.205.702.391.490
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.907.875.019	-	28.597.935.509	13.782.928.153	156.572.528.970	1.205.702.391.490
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	108.769.980.678	108.769.980.678
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	291.274.534	175.042.419	(10.776.346.658)	(10.310.029.704)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(139.999.999.999)
Hoàn nhập dự phòng Tân Thạnh Mỹ	-	-	-	-	-	-	(2.438.508.066)	(2.438.508.065)
Hoàn nhập lỗ 421 Tân Thạnh Mỹ	-	-	-	-	-	-	3.061.281.019	3.061.281.020
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	2.966.850.000	-	-	-	-	2.966.850.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(3.491.539.820)	(3.491.539.820)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	7.874.725.019	-	28.889.210.043	13.957.970.572	111.697.396.123	1.164.260.425.600


Lê Ngọc Hương
Người lập biểu

Lê Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Đào Văn Thuận
Tổng Giám đốc